TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HNGĐ - ST
Ngày 30 - 03 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Tuấn và bà Lê Thị Thu Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Khánh Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – N sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 22/2026/TLST - HNGĐ ngày 19/01/2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 36/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký thường trú và cư trú: Thôn H, xã N, tỉnh Ninh Bình (có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn H, xã N, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện tại: Số nhà E B hausu T khu S, thị trấn A, thành phố T, tỉnh Fukuoka, nước Nhật Bản (có đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn nhận các văn bản tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mỹ L - Luật sư Công ty L1 (có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai, lời trình bày của nguyên đơn (anh Nguyễn Mạnh T);văn bản trình bày ý kiến của bị đơn (chị Bùi Thị Q) trong quá trình giải quyết vụ án, với nội dung như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Mạnh T kết hôn cùng với chị Bùi Thị Q trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, đồng thời được UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) chứng nhận kết hôn vào ngày 07/03/2014.

* *Theo anh Nguyễn Mạnh T trình bày:* Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh

phúc, đến năm 2019 chị Q bắt đầu đi làm xa, khoảng cách khiến lâu ngày vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau như lúc ban đầu, không còn quan tâm chia sẻ tình cảm với nhau nên bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc sống chung với nhau không có hạnh phúc. Hai vợ chồng tôi không còn liên lạc thường xuyên, mâu thuẫn trong việc nuôi con, chăm sóc bố mẹ hai bên đã đến nhiều lần cãi vã, nóng giận làm hai vợ chồng ngày càng xa cách. Vợ chồng không cùng quan điểm từ cách sống, sinh hoạt và không có tiếng nói chung. Từ đầu năm 2021 đến nay anh T và chị Q không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với với chị Bùi Thị Q.

** Phía bị đơn chị Bùi Thị Q trình bày tại văn bản trình bày ý kiến ngày 23/01/2026 như sau:*

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, bảo ban nhau làm ăn. Trong quá trình chung sống với nhau đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và sống chung với nhau không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không còn đồng cảm, thấu hiểu, thiếu sự chia sẻ mặc dù đã tìm cách tháo gỡ nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau, việc ai người đó làm. Quá trình mâu thuẫn được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng không có sự thay đổi. Chị Bùi Thị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Nay anh Nguyễn Mạnh T yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn thì chị Bùi Thị Q hoàn toàn đồng ý.

- *Về con chung:* Anh Nguyễn Mạnh T và chị Bùi Thị Q đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thảo N; giới tính: Nữ; sinh ngày: 23/02/2015. Hiện nay, cháu đang ở với anh T tại địa chỉ: Thôn H, xã N, tỉnh Ninh Bình. Khi ly hôn, anh Nguyễn Mạnh T và chị Bùi Thị Q đều đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Thảo N cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập được cuộc sống và chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T. Tại thời điểm yêu cầu giải quyết ly hôn, chị Bùi Thị Q và anh Nguyễn Mạnh T không có thai chung.

- *Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác:* Anh Nguyễn Mạnh T và chị Bùi Thị Q không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do chị Q đang lao động tại nước Nhật Bản nên chị đề nghị được vắng mặt và ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Mỹ L - Luật sư Công ty L1 để thay mặt chị nhận toàn bộ các văn bản tố tụng Toà án.

** Tại văn bản trình bày ý kiến của bà Phạm Thị V (là mẹ đẻ của chị Bùi Thị Q) lưu tại hồ sơ trình bày:*

Chị Bùi Thị Q và anh Nguyễn Mạnh T kết hôn hợp pháp với nhau và vợ chồng đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 07/03/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, bảo ban nhau làm ăn. Sau đó đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, hai bên thường xuyên cãi vã, cùng với đó là việc chị Q đi làm ăn xa ở nước ngoài dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Quá trình mâu thuẫn hai bên gia đình hoà giải nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng không có sự thay đổi. Đến nay, anh Nguyễn Mạnh T có đơn xin ly hôn với chị Bùi Thị Q, do mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài từ lâu, hai bên gia đình đã tiến hành hoà giải nhưng không có kết quả, để ổn định cuộc sống cho cả hai, bà đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của anh T và chị Q, giải quyết ly hôn cho anh Nguyễn Mạnh T và chị Bùi Thị Q. Về con chung của anh T và chị Q: Bà Phạm Thị V đề nghị Toà án giao cháu Nguyễn Thảo N cho anh Nguyễn Mạnh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra bà Phạm Thị V không còn ý kiến gì khác.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Bùi Thị Q vắng mặt có lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên toà:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình có quan điểm như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T với chị Q. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Mạnh T và chị Bùi Thị Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thảo N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn (anh Nguyễn Mạnh T) cung cấp, đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*. Trong thời gian khởi kiện, nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh T trình bày bị đơn là chị Bùi Thị Q có nơi đăng ký thường trú: Thôn H, xã N, tỉnh Ninh Bình, hiện tại đang ở nước Nhật Bản. Do đó, căn cứ tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 vụ việc thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình.

Các đương sự đều có đề nghị xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Mạnh T và chị Bùi Thị Q tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/03/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh Nguyễn Mạnh T và chị Bùi Thị Q chung sống hoà thuận, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị Q đi làm xa (nước Nhật Bản), vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không liên lạc thường xuyên, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Từ năm 2021 đến nay vợ chồng anh Nguyễn Mạnh T và chị Bùi Thị Q đã ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống chung. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; tại đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai anh Nguyễn Mạnh T kiên quyết xin ly hôn với chị Bùi Thị Q, chị Q cũng có quan điểm nhất trí ly hôn với anh T. Ý kiến của hai bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Mạnh T và chị Bùi Thị Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 23/02/2015. Hiện nay cháu Nguyễn Thảo N do anh Nguyễn Mạnh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Mạnh T và chị Bùi Thị Q đều đề nghị giao cháu Nguyễn Thảo N cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh T không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay chị Bùi Thị Q đang đi lao động xuất khẩu ở Nhật Bản, cháu Nguyễn Thảo N đang ở với anh Nguyễn Mạnh T từ khi chị Q đi nước ngoài; anh T đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N; ngoài ra anh T và chị Q đều có quan điểm giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, cháu N cũng có nguyện vọng ở với anh T nếu bố mẹ ly hôn. Do đó, cần giao cho anh Nguyễn Mạnh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thảo N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và chị Bùi Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 469 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi , bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Mạnh T và chị Bùi Thị Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 23/02/2015 cho anh Nguyễn Mạnh T tiếp tục được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Chị Bùi Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Mạnh T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Mạnh T và chị Bùi Thị Q mỗi người phải nộp 75.000 (*Bảy mươi lăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Mạnh T nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000287 ngày 16 tháng 01 năm 2026 anh Nguyễn Mạnh T được hoàn lại 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Mạnh T được quyền kháng cáo bản án trong thơi hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ. Chị Bùi Thị Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 6 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Nam Xang;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Thành Nam